**BÀI: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI ( Xuân Quỳnh)**

Soạn trắc nghiệm - Hệ thống câu hỏi phục vụ cho tiết dạy

**I. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm**

Câu 1: Đâu là truyện kể về nguồn gốc loài người trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam ?

*A. Con Rồng cháu Tiên*

*B. Truyện Nữ Oa*

*C. Truyện về thần Prô-mê-tê*

*D. Truyện thần Giô-hô-va sáng tạo ra con người*

Câu 2: Giọng đọc nào phù hợp với bài thơ : Chuyện cổ tích về loài người.

A. Giọng điệu hồn nhiên, trong sáng, ngắt nghỉ đúng nhịp, tốc độ đọc vừa phải.

B. Giọng đọc mạnh mẽ, hào hùng, ngắt nghỉ đúng nhịp.

C. Giọng điệu mỉa mai, châm biếm, tốc độ đọc vừa phải.

D. Giọng điệu ngọt ngào, êm ái, rõ ràng, dứt khoát.

Câu 3: Nữ sĩ Xuân Quỳnh là:

A. Nhà thơ hiện đại Việt Nam B. Nhà thơ trung đại Việt Nam

C. Nhà thơ đương đại Việt Nam D. Nhà thơ mới Việt Nam

Câu 4: Chuyện cổ tích về loài người viết theo thể thơ:

A. lục bát B. tám chữ C. năm chữ D. tự do

Câu 5 Được sinh ra đầu tiên trên Trái Đất là:

A. Mẹ B. Trẻ con C. Bố D. Trời

Câu 6 Những câu thơ dưới đây sử dụng biện pháp tu từ gì:  
 Cây cao bằng gang tay  
 Lá cỏ bằng sợi tóc  
 Cái hoa bằng cái cúc”

A. So sánh B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Điệp từ, điệp ngữ

Câu 7. Nhu cầu trước nhất của đứa trẻ là:

A. Lắng nghe thế giới B. Sở hữu thế giới

C. Ngắm nhìn thế giới D. Thấu hiểu thế giới

Câu 8. Hai câu thơ dưới đây sử dụng biện pháp tu từ:  
 “Những làn gió thơ ngây  
 Truyền âm thanh đi khắp”

A. Điệp từ, điệp ngữ B. Ẩn dụ C. So sánh D. Nhân hóa

Câu 9. Bố sinh ra vì trẻ cần:

A. Hiểu biết B. Tình yêu và lời ru C. Lắng nghe truyện kể D. Chữ viết

Câu 10. Câu thơ “Biển sinh những cánh buồm” có nghĩa:

A. Những cánh buồm trên biển B. Thôi thúc khát vọng khám phá những bến bờ mới

C. Buồm chỉ tồn tại trên biển D. Biển là nơi những cánh buồm được sinh ra

Cau 11. Ở khổ thơ thứ 3 từ “từ” được lặp lại:

A. 5 lần B. 6 lần C. 7 lần D. 8 lần

Câu 12. Điều bà muốn gửi gắm qua các câu chuyện cổ tích:

A. Khuyến khích trẻ con có thật nhiều ước mơ.

B. Khuyên răn trẻ con cần nghe thật nhiều câu chuyện cổ tích

C. Mọi người đều sẽ sống vui vẻ và hạnh phúc

D. Kẻ ác sẽ bị trừng trị, người hiền sẽ được hạnh phúc

**II. Phiếu học tập dùng để khám phá văn bản:**

1. Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ Chuyện cổ tích về loài người

|  |  |
| --- | --- |
| Phiếu học tập số 1:  Tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ Chuyện cổ tích về loài người | |
| Tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ | Nhận xét |
| Thể thơ: ................................................................. | ................................................................................................................................................................................... |
| Số lượng dòng thơ trong mỗi khổ:................................. |
| Số tiếng trong mỗi dòng thơ................................................... |
| Gieo vần:........................................................................... |
| Ngắt nhịp:.................................................................................... |

2. Phiếu học tập số 2: Tìm hiểu thế giới khi trẻ con mới ra đời

|  |  |
| --- | --- |
| Tìm hiểu thế giới khi trẻ con mới ra đời | |
| Từ ngữ/ hình ảnh | Nhận xét |
| Sự sống:.................................................................. | ........................................................................................................................................ |
| Ánh sáng:.................................................................. |
| Màu sắc:...................................................................... |
| Từ ngữ đặc sắc:......................................................... |

3. Phiếu học tập số 3: Thế giới biến đổi ra sao sau khi trẻ con ra đời.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thế giới biến đổi sau khi trẻ con ra đời | | |
| Những sự vật, hiện tượng xuất hiện  như thế nào | Lý do ra đời | Nhận xét  ( Nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ) |
| Mặt trời..... | VD: cho trẻ con nhìn rõ | - Sử dụng biện pháp nhân hóa, so sánh.....................................  nhằm..................................... |
| Cây cỏ:............. |  |
| Chim ........................ |  |
| Những làn gió:........... |  |
| Sông................... |  |
| Biển............................ |  |
| Đám mây................. |  |
| Đường..................... |  |

4. Những người thân xuất hiện mang đến cho trẻ tình thương và hiểu biết

a. Phiếu học tập số 4

|  |  |
| --- | --- |
| Mẹ xuất hiện | |
| Chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ | Nhận xét ý nghĩa/tác dụng |
| Lý do mẹ xuất hiện.................................................................... |  |
| -Điệp từ:..............................lặp lại......................  - Liệt kê...................................................... |

b, Phiếu học tập số 5

|  |  |
| --- | --- |
| Bà xuất hiện | |
| Chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ | Ý nghĩa, tác dụng |
| Lý do xuất hiện............................... |  |
| Phép liệt kê............................................. |
| Hình ảnh khi bà kể chuyện.................... |

c, Phiếu học tập số 6

|  |  |
| --- | --- |
| Bố xuất hiện | |
| Chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ | Ý nghĩa, tác dụng |
| Bố sinh ra vì trẻ cần............................... |  |
| Tình yêu của bố có gì khác của mẹ........ |  |

d, Sự ra đời của trường lớp, thầy giáo

|  |  |
| --- | --- |
| Trường lớp, thầy giáo xuất hiện | |
| Chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ | Ý nghĩa, tác dụng |
| Trình tự xuất hiện của các sự vật................. |  |
| Biện pháp so sánh............................... |
| Bài học đầu tiên của thầy |

**Dự kiến phương án trả lời các phiếu hoc tập dùng trong bài học**

1. Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ Chuyện cổ tích về loài ngườiư

|  |  |
| --- | --- |
| Phiếu học tập số 1:  Tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ Chuyện cổ tích về loài người | |
| Tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ | Nhận xét |
| - Có sáu khổ thơ | - Thể thơ 5 chữ  - Câu thơ ngắn, nhịp thơ nhanh, giọng thơ vui tươi, hồn nhiên, âm điệu nhịp nhàng ....rất phù hợp với điệu tâm hồn của trẻ thơ. |
| - Số lượng dòng thơ của mỗi khổ không đồng đều |
| - Mỗi dòng thơ gồm năm tiếng |
| - Gieo vần chân (Không dáng cây ngọn cỏ/ Mặt trời cũng chưa có) |
| - Mỗi dòng thơ được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3 tạo âm điệu nhịp nhàng: Trời sinh ra/ trước nhất – Chỉ toàn là/ trẻ con |

2. Phiếu học tập số 2: Tìm hiểu thế giới khi trẻ con mới ra đời

|  |  |
| --- | --- |
| Tìm hiểu thế giới khi trẻ con mới ra đời | |
| Từ ngữ/ hình ảnh | Nhận xét |
| Sự sống: Trái đất trụi trần/ không dáng cây ngọn cỏ | + Trái đất “trần trụi”, hoang sơ, trống rỗng, chưa có bất cứ thứ gì khác.  + Thế giới chưa có sự sống, không hình dáng, thiếu ánh sáng và hơi ấm, không màu sắc.  + Từ ngữ nhấn mạnh rằng thời điểm trẻ em ra đời, trái đất không có gì, không có ai khác nữa  => Thế giới hoang vắng, tối tăm. lạnh lẽo khi trẻ mới ra đời. |
| Ánh sáng: Mặt trời chưa có/ chỉ toàn là bóng đêm |
| Màu sắc:..Không khí chỉ màu đen. Thế giới tối tăm, đen đặc. |
| Từ ngữ đặc sắc: Từ chỉ được lặp lại ba lần trong đoạn thơ. Các từ mang nghĩa phủ định: không, chưa |

3. Phiếu học tập số 3: Thế giới biến đổi ra sao sau khi trẻ con ra đời.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thế giới biến đổi sau khi trẻ con ra đời | | |
| Những sự vật, hiện tượng xuất hiện | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ dùng để gợi tả | Nhận xét ý nghĩa |
| Mặt trời. | Mặt trời nhô cao để trẻ ngắm nhìn thế giới | - Ánh sáng giúp trẻ con quan sát vạn vật  - Từ “bắt đầu” được điệp lại nhấn mạnh sự khởi nguồn sinh sôi của cây cỏ trên trái đất  - Từ “ cái” , các hình nahr so sánh gợi tả dáng hình nhỏ bé, đáng yêu của sự vật được đo đếm bằng những gì gần gũi nhất với con trẻ (sợi tóc, gang tay, cái cúc)  - Sau khi ánh sáng giúp trẻ ngắm nhìn thế giới thì âm thanh giúp trẻ lắng nghe thế gian. Âm thanh thánh thót, trong veo, vút cao giữa trời mây  - Những làn gió thơ ngây, hồn nhiên dạo chơi như trẻ thơ lan truyền thanh âm đi khắp  - Sông lớn thành biển để trẻ được tha hồ vùng vẫy  - Điệp từ “ sinh”, biện pháp nhân hóa nhấn mạnh mục đích ra đời của biển: khơi gợi bao ý nghĩ, cho nguồn cá tôm trù phú nuôi sống con người, thôi thúc khát vọng khám phá những bến bờ mới  - Đám mây đem đến sự mát lành cho những chuyến hành trình của trẻ.  - Đường sinh ra để nâng đỡ những bước đi đầu đời của trẻ thơ. |
| Cây cỏ | - Biện pháp điệp ngữ: “ Bắt đầu”  Biện pháp so sánh  “Cây cao bằng gang tay  Lá cỏ bằng sợi tóc  Cái hoa bằng cái cúc” |
| Chim | Chim cất tiếng hót để trẻ lắng nghe âm thanh đầu tiên |
| Những làn gió | Biện pháp so sánh  “Tiếng hót trong bằng nước  Tiếng hót cao bằng mây” |
| Sông | Biện pháp nhân hóa  “Sông bắt đầu làm sông”  Điệp từ “sông” |
| Biển | Điệp từ **biển** được lặp lại bốn lần  Từ **sinh** vừa là điệp từ vừa là từ thể hiện biện pháp nhân hóa: Biển cho ý nghĩ. Biển sinh cá tôm. Biển sinh những cánh buồm |
| Đám mây | Biện pháp nhân hóa qua các từ ngữ:  “Đám mây cho bóng rợp, che mát cho trẻ |
| Đường | Sinh ra để trẻ tập đi |

=> Thế giới thay đổi diệu kỳ để cho trẻ khôn lớn, trưởng thành.

4. Những người thân xuất hiện mang đến cho trẻ tình thương và hiểu biết

a. Phiếu học tập số 4

|  |  |
| --- | --- |
| Mẹ xuất hiện | |
| Chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ | Nhận xét ý nghĩa/tác dụng |
| Mẹ sinh ra vì trẻ cần  + Tình yêu và lời ru  + Để bế bồng chăm sóc | - Con lớn lên trong tình yêu thương ấm áp và sự chăm sóc ân cần, chu đáo của mẹ.  - Lời ru của mẹ mở ra cho con thế giới bao la. Khúc hát ru đến từ muôn nẻo thế gian: từ những thứ gần gũi đến những gì xa xôi; từ những điều đẹp đẽ, ngọt ngào lại có cả những nhọc nhằn cay đắng. Lời ru là tình yêu và cả những ước mong mẹ gửi gắm |
| - Điệp từ **Từ** được lặp lại bảy lần, điệp từ **rất** lặp lại ba lần trong đoạn thơ.  - Liệt kê các hình ảnh: Cái bống cái bang, cái hoa, vị gừng, cánh cò, vết lấm, đầu nguồn cơn mưa, bãi sông cát vắng… |

b, Phiếu học tập số 5

|  |  |
| --- | --- |
| Bà xuất hiện | |
| Chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ | Ý nghĩa, tác dụng |
| - Bà xuất hiện một cách diệu kì, đột ngột “không hiểu là từ đâu”. Bà đến vì trẻ muốn được nghe chuyện đời xưa, đời sau | - Bà xuất hiện như thể một bà tiên trong những câu chuyện cổ, để mang đến những “chuyện ngày xưa, ngày sau”.  - Bà mở ra thế giới kì ảo, đầy huyền diệu của truyện cổ tích dân gian. Một thế giới mà kẻ ác sẽ bị trừng trị, người hiền sẽ được hạnh phúc. Câu chuyện bà kể gửi gắm những bài học về lẽ sống ở đời  - Bà còn muốn truyền cho cháu tinh thần lạc quan, niềm yêu đời, yêu cuộc sống |
| - Điệp từ “ chuyện” cùng phép liệt kê những câu chuyện cổ tích như: Con cóc, nàng tiên, cô Tấm, Lý Thông… |
| Mái tóc bà thì bạc >< con mắt bà thì vui |

c, Phiếu học tập số 6

|  |  |
| --- | --- |
| Bố xuất hiện | |
| Chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ | Ý nghĩa, tác dụng |
| - Bố sinh ra vì trẻ cần: hiểu biết  - Điệp ngữ: “Bố ….cho biết” được lặp lại hai lần. | Bố khuyên nhủ, bảo ban để con ngoan ngoãn, vâng lời, hiểu biết về thế giới xung quanh. |
| - Liệt kê các hình ảnh: + Rộng là mặt biển + Dài là con đường + Xanh và xa là dãy núi + Tròn là trái đất | Những khái niệm về độ dài, chiều rộng, độ xa, hình tròn đã trở nên vô cùng sống động khi chúng được liên hệ với những hình ảnh thiên nhiên mà con đã khám phá xung quanh mình. Bố mở ra những hiểu biết đầu tiên về thế giới xung quanh cho con, về sự rộng lớn vô cùng và khát khao tiếp tục khám phá những chân trời tri thức. |

d, Phiếu học tập số 7: Sự ra đời của trường lớp, thầy giáo

|  |  |
| --- | --- |
| Sự ra đời của trường lớp, thầy giáo | |
| Chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ | Ý nghĩa, tác dụng |
| Trình tự xuất hiện của các sự vật:  Chữ -> ghế -> bàn -> lớp -> trường -> thầy giáo | - Sự vật xuất hiện theo chiều tăng dần về kích thước, đúng với góc nhìn của một đứa trẻ. Để cuối cùng người quan trọng nhất xuất hiện – thầy giáo.  - Hình ảnh cái chiếu quen thuộc với góc nhìn của trẻ thơ.  - Người thầy đã mang đến cho trẻ thơ những bài học bổ ích, ý nghĩa giúp trẻ thơ trưởng thành, khôn lớn. |
| Biện pháp so sánh:  “Cái bảng bằng cái chiếu” |
| Bài học đầu tiên của thầy: dạy về sự ra đời của loài người. |